

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 215/2026/DS-PT
Ngày 29 - 4 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Ngọc Thúy và ông Lưu Hữu Giàu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2026/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 212/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP P1; trụ sở chính: Tòa nhà T, Số A, đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Kiều Công N – Giám đốc Phòng G kiêm Phó Giám đốc chi nhánh A (Giấy ủy quyền số 03/2025/UQ-CT.HĐQT ngày 04/4/2025) (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Duy N1, sinh năm 2002; chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ thế chấp; địa chỉ liên hệ: Số E, đường T, phường L, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền số 21/2025/UQ-OCB ngày 24/9/2025) (có mặt).

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông Trần Huy B, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số I, đường H, Tổ A, ấp B, xã C, tỉnh An Giang (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Lâm Trúc P, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số E, đường T, ấp B, xã C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Lâm Trúc P: Ông Trần Huy B, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số I, đường H, Tổ A, ấp B, xã C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/12/2025) (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần Huy B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP P1 (sau đây gọi tắt là O) trình bày:

Bà Nguyễn Lâm Trúc P, ông Trần Huy B có ký Hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023 với O và bà P, ông B đã được OCB giải ngân vay số tiền 690.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 120 tháng, từ 18/7/2023 đến ngày 18/7/2033; lãi suất trong hạn là 11,8%/năm, cố định trong 03 tháng đầu, từ tháng thứ 4 bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố + biên độ tối thiểu 3,8%/năm, áp dụng lãi suất cho vay thả nổi được điều chỉnh lãi định kỳ 06 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Từ ngày 18/7/2023 đến ngày 12/6/2025, ông B, bà P đã trả 237.314.296 đồng (gồm tiền gốc 115.100.000 đồng, tiền lãi 122.214.296 đồng) thì ngưng không thanh toán theo hợp đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Trần Huy B và O có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTC ngày 18/7/2023. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 180m², tờ bản đồ số 30, thửa số 159, đất ở tại đô thị tọa lạc thị trấn C, huyện C (nay là xã C, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04796 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 31/01/2013, cập nhật biến động ngày 05/7/2023 tên Trần Huy B và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ chi nhánh C ngày 18/7/2023.

Ngoài ra, bà Nguyễn Lâm Trúc P có ký với OCB Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0908/2023 ngày 22/6/2023, với hạn mức thẻ tín dụng được cấp 25.000.000đ, lãi suất thẻ theo quy định của O. Tuy nhiên đến hạn trả nợ gốc và lãi vay, nhưng bà P, ông B không thanh toán tiền gốc và lãi cho O là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Nay OCB yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Lâm Trúc P, ông Trần Huy B trả cho OCB số tiền nợ tính đến ngày 24/9/2025 tổng cộng 643.910.078 đồng (bao gồm: Nợ gốc 599.752.721 đồng, nợ lãi 44.157.357 đồng). Đồng thời, bà P, ông B

phải tiếp tục trả lãi theo quy định của Hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023 và Giấy đề nghị kiểm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0908/2023 ngày 22/6/2023 kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông B, bà P không thực hiện hoặc thực hiện **không** đầy đủ việc trả nợ thì O đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo nội dung hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho O.

Tại phiên tòa sơ thẩm, OCB yêu cầu bị đơn trả cho OCB tổng số tiền vốn gốc và tiền lãi vay tính đến ngày 13/01/2026 tổng cộng 669.219.873 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 599.252.721 đồng, nợ lãi 69.967.152 đồng).

Bị đơn bà P, ông B trình bày: Bị đơn thống nhất còn nợ OCB tính đến ngày 13/01/2026 với tổng số tiền 669.219.873 đồng. Tuy nhiên, đề nghị thanh toán nợ với phương thức yêu cầu không thanh toán tiền nợ lãi và trả cho O mỗi tháng 12.000.000 đồng cho đến khi dứt toàn bộ số nợ.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2026/QĐ-SCBSBA ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; các Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của O.

- Buộc bà Nguyễn Lâm Trúc P và ông Trần Huy B có trách nhiệm thanh toán cho OCB tổng số tiền vốn gốc và tiền lãi vay tính đến ngày 13/01/2026 tổng cộng 669.219.873 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc 599.252.721 đồng, nợ lãi 69.967.152 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo, ngày 14/01/2026, bà P, ông B còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTC ngày 18/7/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 27/01/2026, bị đơn là ông Trần Huy B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng xem xét lại cách tính tiền lãi của O và điều chỉnh nghĩa vụ thanh toán cho phù hợp với quy định pháp luật và hoàn cảnh thực tế.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Trần Huy B (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Lâm Trúc P) trình bày: Do ông tự tính lãi đối với khoản tiền vay thế tín dụng thấy số tiền lãi ít hơn, nhưng nay ông thống nhất với số tiền vốn và lãi mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc vợ chồng ông phải trả cho OCB là 669.219.873 đồng. Nhưng ông vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, do hiện nay khó khăn xin xem xét cho vợ chồng ông được trả dần số tiền còn nợ OCB hàng tháng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, ông xác định đối với tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 180m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTC ngày 18/7/2023 vẫn do ông trực tiếp quản lý sử dụng, đồng ý xử lý theo quy định pháp luật và ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Nguyên đơn OCB do ông Nguyễn Duy N1 đại diện theo ủy quyền trình bày: OCB không đồng ý yêu cầu kháng cáo xin trả dần số nợ hàng tháng của ông B, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, OCB xác định tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2025 do sai sót trong khâu đánh máy nên có ghi nhận yêu cầu bị đơn phải trả lãi tiếp tục theo quy định của Hợp đồng tín dụng số ST24024398/2024/PTS/HĐTD ngày 11/6/2024, OCB không yêu cầu đối với Hợp đồng này vì bị đơn đã tất toán xong trước khi khởi kiện. Tài sản thế chấp bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023 là quyền sử dụng đất diện tích 180m² theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTC ngày 18/7/2023; còn tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST23016504/2023/PTS/HĐTC ngày 21/6/2023 là đảm bảo cho hợp đồng tín dụng đã tất toán, OCB tự giải quyết với bị đơn tại giai đoạn thi hành án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Huy B; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2025/QĐ-SCBSBA ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực

13 - An Giang, tuy nhiên đề nghị có điều chỉnh cách tuyên cụ thể số tiền vốn, lãi của từng hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Trần Huy B làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Huy B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.] Các đương sự trong vụ án đều thống nhất OCB và bà P, ông B có ký Hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023 và Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023 để vay tiền, được giải ngân ngày 18/7/2023 số tiền vay 690.000.000đ. Đồng thời, bà P có ký kết với OCB Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ **dành** cho khách hàng cá nhân số 0908/2023 ngày 22/6/2023 với hạn mức thẻ tín dụng số tiền 25.000.000 đồng. Và ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTC ngày 18/7/2023 là: Quyền sử dụng đất diện tích 180m², tờ bản đồ số 30, thửa số 159, đất ở tại đô thị tọa lạc thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04796 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 31/01/2013, cập nhật biến động ngày 05/7/2023 tên Trần Huy B và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ chi nhánh C ngày 18/7/2023.

Các Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức đảm bảo theo quy định của pháp luật nên các hợp đồng này phát sinh hiệu lực đối với các bên ký kết hợp đồng.

[2.2.] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông Trần Huy B, bà Nguyễn Lâm Trúc P vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi phát sinh từ ngày 13/6/2025. Ông B, bà P thừa nhận việc xác định ký kết Hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng do bà P đứng tên là sử dụng mục đích chung sinh hoạt gia đình nên đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho O. Tính đến ngày 13/01/2026, ông B, bà P còn nợ OCB, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023; Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023: Nợ gốc quá hạn là 57.400.000 đồng, nợ gốc trong hạn là

517.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.780.502 đồng, nợ lãi quá hạn lãi là 2.126.359 đồng, nợ lãi quá hạn gốc là 3.911.882 đồng.

Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0908/2023 ngày 22/6/2023: Nợ gốc quá hạn là 24.352.721 đồng, nợ lãi quá hạn gốc là 8.953.897 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn OCB buộc ông B, bà P phải trả nợ vay và lãi là có căn cứ.

[2.3.] Đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 180m², tờ bản đồ số 30, thửa số 159, đất ở tại đô thị tọa lạc thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04796 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 31/01/2013, cập nhật biến động ngày 05/7/2023 tên Trần Huy B hiện đang do ông B quản lý sử dụng. Do đó, về mặt pháp lý quyền sử dụng đất này hiện nay là của ông B đã thế chấp hợp pháp cho O để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên OCB được phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất này để thu hồi nợ là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, ông B kháng cáo xin được trả dần số nợ hàng tháng cho OCB nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của O đồng ý và ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Điều này phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn thì nguyên đơn kiện 01 hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng thẻ tín dụng, với mức lãi suất khác nhau. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định của Hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0908/2023 ngày 22/6/2023 kể từ ngày 24/9/2025 đến ngày trả hết nợ. Lẽ ra, cấp sơ thẩm phải tuyên số tiền nợ gốc phải trả theo từng loại hợp đồng tín dụng, **hợp đồng** thẻ tín dụng và phải tuyên tiếp tục chịu lãi theo từng mức lãi đã thỏa thuận theo từng hợp đồng, nhưng cấp sơ thẩm đã gộp chung nợ gốc của 2 hợp đồng và tuyên chung là sẽ khó trong việc thi hành án. Ngoài ra, khi tuyên về việc xử lý tài sản thế chấp, cấp sơ thẩm cũng không nêu rõ tài sản thế chấp. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án cho rõ từng khoản nợ gốc và tiền lãi theo từng hợp đồng tín dụng, **hợp đồng** thẻ tín dụng và nêu cụ thể tài sản thế chấp được quyền xử lý phát mãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTC ngày 18/7/2023 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án.

Các phần quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Huy B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Huy B.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2026 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 11/2025/QĐ-SCBSBA ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang (có điều chỉnh lại cách tuyên án). Cụ thể:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1.

Buộc bà Nguyễn Lâm Trúc P và ông Trần Huy B có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 tổng số tiền vốn gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/01/2026 là 669.219.873đ (sáu trăm sáu mươi chín triệu hai trăm mười chín nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng). Cụ thể:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023; Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023: Nợ gốc quá hạn là 57.400.000 đồng, nợ gốc trong hạn là 517.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 54.780.502 đồng, nợ lãi quá hạn lãi là 2.126.359 đồng, nợ lãi quá hạn gốc là 3.911.882 đồng.

+ Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0908/2023 ngày 22/6/2023: Nợ gốc quá hạn là 24.352.721 đồng, nợ lãi quá hạn gốc là 8.953.897 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/01/2026) ông Trần Huy B, bà Nguyễn Lâm Trúc P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023; Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTD ngày 18/7/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân số 0908/2023 ngày 22/6/2023, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng

vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Trần Huy B, bà Nguyễn Lâm Trúc P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P1 thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TDCN23010131/2023/PTS/HĐTC ngày 18/7/2023 là: Quyền sử dụng đất diện tích 180m², tờ bản đồ số 30, thửa số 159, đất ở tại đô thị tọa lạc thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04796 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 31/01/2013, cập nhật biến động ngày 05/7/2023 tên Trần Huy B và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ chi nhánh C ngày 18/7/2023, để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng TMCP P1 thu hồi nợ thì ông Trần Huy B, bà Nguyễn Lâm Trúc P vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Lâm Trúc P và ông Trần Huy B hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P1 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Lâm Trúc P và ông Trần Huy B phải chịu 30.769.000đ (ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP P1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP P1 được nhận lại số tiền 14.878.000đ (mười bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005413 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Huy B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000434 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND khu vực 13 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 - An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, Tòa dân sự,
Phòng GD,KT,TT&THA, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Minh Châu